

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP

**DRYCELL AND STORAGE BATTERY
JOINT STOCK COMPANY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 163 /PA-CBTT
No.: 163 /PA-CBTT

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, 10 March, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi : **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
To: **HOCHIMINH STOCK EXCHANGE
STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM/
DRYCELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán /*Stock code*: PAC

- Địa chỉ/*Address*: 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh,
Việt Nam./*321 Tran Hung Dao, Co Giang Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.39203062

Fax: 028.39203060

- E-mail: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán./ *Dry Cell and Storage Battery Joint Stock Company announces The audited financial statement for 2024.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2025 tại đường dẫn www.pinaco.com.vn/ *This information was published on the company's website on 10/03/2025 (date), as in the link www.pinaco.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính

kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính năm

2024 đã kiểm toán

*The audited financial statement
for 2024.*

Đại diện tổ chức

Organization representative



LÊ VĂN NĂM



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Năm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Ông Shigeru Ezure	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phan Thị Hoàng Giang	Thành viên
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Điền Phước Chân	Phó Tổng Giám đốc
	Kỹ thuật - Sản xuất
Ông Nguyễn Duy Hưng	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Hoàng Thành	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

001-0
NH
TNH
G
CHỈ



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00455-25-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.832.261.785.850	1.726.186.325.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	200.617.830.195	161.948.859.873
Tiền	111		170.617.830.195	161.948.859.873
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		555.000.000.000	505.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	555.000.000.000	505.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.740.806.102	298.207.985.116
Phải thu của khách hàng	131	6	154.936.408.793	226.235.961.600
Trả trước cho người bán	132	7	25.979.920.439	37.367.915.388
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.720.885.063	35.793.437.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(896.408.193)	(1.189.519.776)
Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	190.814
Hàng tồn kho	140	10	696.245.897.537	643.252.164.220
Hàng tồn kho	141		701.548.787.054	646.962.409.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.302.889.517)	(3.710.244.930)
Tài sản ngắn hạn khác	150		188.657.252.016	116.907.316.144
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.646.799.672	4.820.706.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	183.010.452.344	112.086.610.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

012
 CHI
 ĐNG
 KI
 PHU

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		702.519.485.529	707.319.377.892
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.840.446.253	5.332.346.253
Phải thu dài hạn khác	216		5.840.446.253	5.332.346.253
Tài sản cố định	220		394.061.085.307	332.029.868.951
Tài sản cố định hữu hình	221	11	353.610.702.820	274.686.605.679
Nguyên giá	222		1.395.325.533.792	1.240.959.152.322
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.041.714.830.972)	(966.272.546.643)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	31.931.408.443	49.628.150.449
Nguyên giá	225		47.125.644.645	66.298.132.171
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.194.236.202)	(16.669.981.722)
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.518.974.044	7.715.112.823
Nguyên giá	228		40.995.029.434	39.176.827.529
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.476.055.390)	(31.461.714.706)
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.570.467.953	87.038.607.873
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	20.570.467.953	87.038.607.873
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		249.547.486.016	250.418.554.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	210.856.810.468	209.297.352.549
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.585.532.416	3.430.945.794
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	35.105.143.132	37.690.256.472
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.534.781.271.379	2.433.505.703.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

042
NHÀ
TY
M
HỒ

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.565.895.833.608	1.489.037.435.221
Nợ ngắn hạn	310		1.550.850.787.215	1.467.423.205.920
Phải trả người bán	311	18	133.532.968.260	212.941.446.259
Người mua trả tiền trước	312		37.088.697.615	12.145.154.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	7.810.222.761	8.215.049.025
Phải trả người lao động	314		80.487.268.855	94.504.823.120
Chi phí phải trả	315	20	18.111.676.448	25.941.408.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	28.105.033.710	4.453.639.129
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	1.206.974.054.267	1.071.746.855.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	11.090.279.515	10.128.016.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	27.650.585.784	27.346.813.865
Nợ dài hạn	330		15.045.046.393	21.614.229.301
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	13.135.446.393	19.704.629.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		968.885.437.771	944.468.268.024
Vốn chủ sở hữu	410	25	968.885.437.771	944.468.268.024
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		389.208.670.171	355.111.097.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.374.998.376	123.055.401.166
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.983.882.119	7.853.056.978
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.391.116.257	115.202.344.188
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.534.781.271.379	2.433.505.703.245

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	3.849.053.470.231	3.593.413.239.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	643.644.957.630	408.466.115.750
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182
Giá vốn hàng bán	11	30	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		416.037.145.109	433.752.371.170
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	46.165.881.107	58.480.712.131
Chi phí tài chính	22	32	60.191.383.332	75.699.974.756
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		41.936.668.219	59.363.089.266
Chi phí bán hàng	25	33	173.368.170.905	202.036.520.285
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	64.911.356.999	60.686.917.845
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		163.732.114.980	153.809.670.415
Thu nhập khác	31		616.162.107	537.950.487
Chi phí khác	32		35.921.050	22.726.668
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		580.241.057	515.223.819
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		164.312.356.037	154.324.894.234
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	37.839.972.902	39.286.471.023
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(154.586.622)	(163.920.977)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		126.626.969.757	115.202.344.188
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.452	2.231




Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		164.312.356.037	154.324.894.234
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		90.006.230.311	85.660.380.369
Các khoản dự phòng	03		26.982.937.703	21.527.950.667
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.149.466.099	(1.594.422.072)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(35.513.283.906)	(43.599.412.080)
Chi phí lãi vay	06		41.936.668.219	59.363.089.266
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		290.874.374.463	275.682.480.384
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(2.369.049.284)	(142.977.631.151)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.001.264.564)	111.014.020.216
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(112.316.985.005)	105.389.734.871
Biến động chi phí trả trước	12		(2.385.551.449)	2.158.383.882
			121.801.524.161	351.266.988.202
Tiền lãi vay đã trả	14		(42.001.152.152)	(60.112.126.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.544.399.989)	(39.886.397.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.962.614.091)	(19.543.885.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		31.293.357.929	231.724.579.513
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(58.219.920.952)	(80.293.360.745)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		260.112.293	71.424.074
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(555.000.000.000)	(505.870.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		505.870.000.000	542.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		57.663.820.542	39.987.215.789
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(49.425.988.117)	(4.104.720.882)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

1120
HI N
NG T
KPI
PHỞ

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Code	Note	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.721.837.438.558	2.287.850.478.395
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.587.966.579.735)	(2.378.884.792.553)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.864.198.719)	(10.920.855.498)
Tiền trả cổ tức	36		(69.698.961.559)	(79.001.901.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		55.307.698.545	(180.957.071.556)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		37.175.068.357	46.662.787.075
Tiền đầu năm	60		161.948.859.873	113.688.426.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		1.493.901.965	1.597.645.933
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	200.617.830.195	161.948.859.873

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	21.953.272.081	10.103.488.235

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính



Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy tại Tỉnh Đồng Nai và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1.255 nhân viên (1/1/2024: 1.244 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 45 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ác quy.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	8.551.848.142	4.262.239.528
Tiền gửi ngân hàng	136.882.843.065	157.686.620.345
Tiền đang chuyển	25.183.138.988	-
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	200.617.830.195	161.948.859.873

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,3% đến 6,1% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 6,2% đến 9,5%).



Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ông Chea Se	18.667.560.785	20.346.905.790
Romisa Trading Enterprises	14.480.791.661	8.192.755.379
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	12.005.768.664	13.616.133.177
Công ty TNHH Ấc quy Vĩnh Phúc	8.288.593.920	7.849.128.960
Công ty Honda Việt Nam	6.671.303.575	551.579.771
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải – Kia	6.447.926.092	3.192.989.760
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	6.241.740.236	3.443.640.967
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Và Lắp Ráp Xe Tải Thaco	6.178.654.188	2.935.204.560
Faith Chemical Enterprises	3.317.153.342	4.718.324.266
Công ty Cổ phần Sản xuất Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	3.117.042.000	2.375.178.120
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Hiệp Phát	1.411.981.043	7.035.484.476
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đầu tư và Thương mại Toàn Phát	105.339.227	7.181.743.195
Naseem Al Rafaidain Trading LLC	-	8.209.340.330
Công ty TNHH Ấc quy Thái Yên	-	1.903.332.881
Các khách hàng khác	68.002.554.060	134.684.219.968
	<hr/>	<hr/>
	154.936.408.793	226.235.961.600
	<hr/>	<hr/>

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico	7.065.315.793	6.110.462.121
Wirtz Manufacturing Co, Inc	2.885.390.689	2.458.865.577
Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng Hoàng Gia	2.805.228.160	1.390.752.000
Better Technology Group Limited	1.066.684.250	5.942.565.156
Sorfin Yoshimura Tokyo, Ltd	-	9.681.067.550
Các nhà cung cấp khác	12.157.301.547	11.784.202.984
	<hr/>	<hr/>
	25.979.920.439	37.367.915.388
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	8.402.246.577	30.812.895.506
Trả trước cho thuê tài chính	2.658.679.353	3.661.331.251
Tạm ứng cho nhân viên	658.959.133	1.285.342.792
Phải thu khác	1.000.000	33.867.541
	<hr/>	<hr/>
	11.720.885.063	35.793.437.090
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises Công ty Cổ phần Tái Sinh Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	620.187.361	(186.056.208)	434.131.153
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520)	-
	Trên 6 tháng	441.795.437	(155.799.477)	285.995.960
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		1.374.664.318	(654.537.205)	720.127.113
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		241.870.988	(241.870.988)	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		1.616.535.306	(896.408.193)	720.127.113
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
	Từ 6 tháng đến 1 năm			
Faith Chemical Enterprises Công ty CP Việt Nam Motors Cần Thơ		1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Các khách hàng khác	Trên 3 năm Trên 6 tháng	114.952.000 409.345.773	(114.952.000) (278.151.154)	- 131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.189.519.776	1.385.348.860
Số trích lập trong năm	312.681.520	241.870.988
Số hoàn nhập trong năm	(605.793.103)	(437.700.072)
Số dư cuối năm	896.408.193	1.189.519.776

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	61.410.576.953	-	143.010.086.763	-
Nguyên vật liệu	178.362.357.212	-	157.937.335.874	-
Công cụ và dụng cụ	8.303.209.037	-	8.504.070.966	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	197.443.415.157	-	148.916.680.298	-
Thành phẩm	256.026.817.964	(3.700.545.714)	188.591.824.518	(3.710.244.930)
Hàng hóa	2.410.731	-	2.410.731	-
Hàng tồn kho	701.548.787.054	(3.700.545.714)	646.962.409.150	(3.710.244.930)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	35.105.143.132	(1.602.343.803)	37.690.256.472	-
	736.653.930.186	(5.302.889.517)	684.652.665.622	(3.710.244.930)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.710.244.930	2.438.073.116
Số trích lập trong năm	1.592.644.587	1.272.171.814
Số dư cuối năm	5.302.889.517	3.710.244.930

007-
ÁNH
TNH
IG
CHÍ

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
Tăng trong năm	-	1.964.017.466	156.000.000	184.500.000	-	2.304.517.466
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	19.172.487.526	-	-	-	19.172.487.526
Chuyển từ xây dựng cơ bản đang (Thuyết minh 14)	166.933.697	147.520.482.099	-	227.311.500	-	147.914.727.296
Thanh lý trong năm	-	(14.816.394.181)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(15.025.350.818)
Số dư cuối năm	212.031.204.299	1.123.895.937.306	40.187.669.522	14.363.403.055	4.847.319.610	1.395.325.533.792
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643
Khấu hao trong năm	10.897.164.062	67.372.136.340	2.470.418.969	666.849.073	389.675.723	81.796.244.167
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	8.671.390.980	-	-	-	8.671.390.980
Thanh lý trong năm	-	(14.816.394.181)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(15.025.350.818)
Số dư cuối năm	154.025.504.430	838.296.519.165	32.874.294.142	12.939.202.696	3.579.310.539	1.041.714.830.972
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679
Số dư cuối năm	58.005.699.869	285.599.418.141	7.313.375.380	1.424.200.359	1.268.009.071	353.610.702.820

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 606.578 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 570.969 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 21.119 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	66.298.132.171
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(19.172.487.526)
	<hr/>
Số dư cuối năm	47.125.644.645
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	16.669.981.722
Khấu hao trong năm	7.195.645.460
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(8.671.390.980)
	<hr/>
Số dư cuối năm	15.194.236.202
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	49.628.150.449
Số dư cuối năm	31.931.408.443
	<hr/> <hr/>

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

001
CHI
ÔNG
K
PH

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23.114.143.021	10.843.905.852	5.218.778.656	39.176.827.529
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	1.818.201.905	-	1.818.201.905
Số dư cuối năm	23.114.143.021	12.662.107.757	5.218.778.656	40.995.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	15.979.774.662	10.263.161.388	5.218.778.656	31.461.714.706
Khấu hao trong năm	379.598.964	634.741.720	-	1.014.340.684
Số dư cuối năm	16.359.373.626	10.897.903.108	5.218.778.656	32.476.055.390
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823
Số dư cuối năm	6.754.769.395	1.764.204.649	-	8.518.974.044

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.236 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 15.235 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	87.038.607.873	85.392.592.894
Tăng trong năm	83.264.789.281	32.562.263.756
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(147.914.727.296)	(30.824.248.777)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(1.818.201.905)	(92.000.000)
Số dư cuối năm	20.570.467.953	87.038.607.873

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	17.396.943.366	85.457.942.043
Các công trình khác	3.173.524.587	1.580.665.830
	20.570.467.953	87.038.607.873

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024		1/1/2024	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,00%	32.500.000.000	26,00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng VND
Số dư đầu năm	190.514.205.344	3.039.482.176	15.743.665.029	209.297.352.549
Tăng trong năm	-	3.563.439.170	15.933.182.469	19.496.621.639
Phân bổ trong năm	(5.192.385.617)	(2.634.421.886)	(10.110.356.217)	(17.937.163.720)
Số dư cuối năm	185.321.819.727	3.968.499.460	21.566.491.281	210.856.810.468

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 15.712 triệu VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.218.055.903	2.025.603.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.060.577.903	742.048.986
Chi phí phải trả	20%	306.898.610	663.293.534
		3.585.532.416	3.430.945.794

18. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura Pte Ltd	27.291.325.954	67.477.496.877
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	16.105.542.087	13.740.209.748
Công Ty Cổ Phần Môi Trường Miền Đông	11.030.008.412	97.464.900
Baoding Golden Sunlight Power Equipment Technology Co., Ltd	6.585.386.985	6.293.888.700
Công ty TNHH Thye Míng (Việt Nam)	4.679.758.611	3.263.659.014
Thai United Industry Company Limited	3.132.332.606	14.487.055.843
Guangxi Guilui New Material Co., Ltd.	-	6.695.036.000
Các nhà cung cấp khác	64.708.613.605	100.886.635.177
	133.532.968.260	212.941.446.259

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	956.027.880	937.293.120
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	403.382.100	590.388.700
Công Ty Cổ Phần Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất	38.500.000	38.500.000
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	23.457.600	13.910.400

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	11.968.780.640	9.447.925.240
Chi phí bán hàng	3.116.750.326	10.397.805.834
Chi phí lãi vay	1.329.808.021	1.394.291.954
Chi phí vận chuyển	59.685.029	2.318.519.338
Các khoản chi phí phải trả khác	1.636.652.432	2.382.866.217
	<hr/>	<hr/>
	18.111.676.448	25.941.408.583
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức	23.268.649.224	24.196.783
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.299.667.093	369.286.380
Các khoản phải trả khác	536.717.393	1.060.155.966
	<hr/>	<hr/>
	28.105.033.710	4.453.639.129
	<hr/>	<hr/>

12042-
NHÀ
G TY T
PM
Ờ HỒ S

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba (i)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng (ii)	1.014.877.656.333	1.014.877.656.333	2.721.837.438.558	(2.572.461.579.735)	3.651.356.203	1.167.904.871.359	1.167.904.871.359
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	24.369.198.719	24.369.198.719	6.569.182.908	(24.369.198.719)	-	6.569.182.908	6.569.182.908
	1.071.746.855.052	1.071.746.855.052	2.728.406.621.466	(2.596.830.778.454)	3.651.356.203	1.206.974.054.267	1.206.974.054.267

(i) Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01/2019/PLHD /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo điều khoản của Phụ lục Hợp đồng, khoản vay này đến hạn trả vào ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty vẫn chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn hợp đồng.



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
		2024	2023		
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	2,9% - 4,5%	3,5% - 6,0%	485.200.802.111	602.718.281.975
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,6% - 3,7%	4,0%	116.534.282.950	54.345.394.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,9% - 3,7%	3,5% - 4,5%	144.150.839.334	84.466.231.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,5% - 3,6%	-	182.675.349.360	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	3,55%	-	125.173.617.841	-
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	3,57% - 3,6%	4,3% - 5,0%	92.397.168.829	102.838.306.984
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	USD	3,7%	3,6% - 3,9%	21.772.810.934	22.912.359.878
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	-	2,0% - 4,0%	-	75.929.104.950
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	-	6,0%	-	44.825.244.422
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	-	3,5%	-	26.842.731.142
				1.167.904.871.359	1.014.877.656.333



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
 Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm			
	2024	2023		
	Loại tiền	31/12/2024	31/12/2024	1/1/2024
		VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	7,5%	-	15.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,2%-8,2%	19.704.629.301	28.568.828.020
			19.704.629.301	44.073.828.020

(i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, các tài sản này được ghi nhận ở tài sản có định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 21.119 triệu VND và 15.712 triệu VND (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo, Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	7.681.069.425	6.569.182.908	10.871.433.942	8.864.198.719
Trong vòng hai đến năm năm	13.223.788.339	13.135.446.393	22.320.339.303	19.704.629.301
	20.904.857.764	19.704.629.301	33.191.773.245	28.568.828.020

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.128.016.370	9.220.293.701
Số trích lập trong năm	25.683.404.699	20.451.607.937
Số sử dụng trong năm	(24.721.141.554)	(19.543.885.268)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.090.279.515	10.128.016.370

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	27.346.813.865	25.385.982.007
Quỹ trích lập trong năm	9.266.386.010	14.792.007.527
Quỹ sử dụng trong năm	(8.962.614.091)	(12.831.175.669)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	27.650.585.784	27.346.813.865

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
- điều chỉnh lại	-	-	-	115.202.344.188	115.202.344.188
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.422.997.580	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
Cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	126.626.969.757	126.626.969.757
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	34.097.572.537	(34.097.572.537)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(9.266.386.010)	(9.266.386.010)
Cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(92.943.414.000)	(92.943.414.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	389.208.670.171	113.374.998.376	968.885.437.771

- (i) Trong năm, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 165/PA-HDQT ngày 20 tháng 4 năm 2024.
- (ii) Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 69.708 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 (2023: 79.002 triệu VND). Ngoài ra, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức cho năm 2024, với số tiền 23.236 triệu VND, theo Nghị quyết số 524/NQ-HDQT ngày 9 tháng 12 năm 2024.



Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	1.888.234	4,06%	2.236.534	4,81%
Các cổ đông khác	15.785.492	33,97%	15.437.192	33,22%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	4.886.415.412	4.423.565.652
Trong vòng hai đến năm năm	2.611.845.101	7.363.606.819
	7.498.260.513	11.787.172.471

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.894.373.203	20.695.129.201

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.976.902	49.918.761.997	1.621.791	39.052.710.424
EUR	12	323.022	249	6.553.510
		49.919.085.019		39.059.263.934

042-001
 NHÃN
 TY TNHH
 PMG
 HỒ CHÍ

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán do toàn bộ tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Doanh thu	2.495.000.677.846	2.534.571.665.852	710.407.834.755	650.375.458.330	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182
Giá vốn	2.124.426.742.966	2.149.145.793.805	664.944.624.526	602.048.959.207	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012
	370.573.934.880	385.425.872.047	45.463.210.229	48.326.499.123	416.037.145.109	433.752.371.170



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024	2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.849.053.470.231	3.593.413.239.932
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	606.337.851.163	399.102.843.899
▪ Hàng bán bị trả lại	37.307.106.467	9.363.271.851
	643.644.957.630	408.466.115.750
Doanh thu thuần	3.205.408.512.601	3.184.947.124.182

30. Giá vốn hàng bán

	2024	2023
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	2.782.219.575.750	2.639.692.319.803
Khuyến mãi có điều kiện	5.559.147.155	110.230.261.395
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.592.644.587	1.272.171.814
	2.789.371.367.492	2.751.194.753.012

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.253.171.613	43.527.988.006
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.551.550.481	13.358.302.053
Chiếu khấu thanh toán	361.159.013	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.594.422.072
	46.165.881.107	58.480.712.131

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	41.936.668.219	59.363.089.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.105.249.014	16.336.885.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.149.466.099	-
	<hr/>	<hr/>
	60.191.383.332	75.699.974.756
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	45.260.094.798	43.007.695.542
Chi phí vận chuyển	34.992.689.436	32.933.450.306
Chi phí bảo hành	25.683.404.699	20.451.607.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.741.551.554	25.185.994.060
Chi phí quảng cáo	16.965.910.997	28.664.144.104
Chi phí bao bì	4.524.100.535	3.324.091.624
Chi phí khấu hao và phân bổ	907.369.873	892.254.717
Chi phí tiếp thị	746.869.687	26.235.769.469
Chi phí công cụ và dụng cụ	353.538.769	106.290.736
Chi phí bán hàng khác	26.192.640.557	21.235.221.790
	<hr/>	<hr/>
	173.368.170.905	202.036.520.285
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	32.212.277.198	30.111.866.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.827.167.900	11.508.253.496
Chi phí khấu hao và phân bổ	867.630.084	728.137.050
Chi phí công cụ và dụng cụ	376.433.071	385.557.301
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(293.111.583)	(195.829.084)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.920.960.329	18.148.932.745
	<hr/>	<hr/>
	64.911.356.999	60.686.917.845
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.373.390.872.486	2.164.661.465.167
Chi phí nhân công và nhân viên	298.190.989.388	282.063.569.249
Chi phí khấu hao và phân bổ	90.006.230.311	85.660.380.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.061.938.271	124.900.406.371
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	211.389.024.550	233.106.465.028

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.336.280.142	31.662.541.749
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	7.623.929.274
	37.839.972.902	39.286.471.023
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(154.586.622)	(163.920.977)
	37.685.386.280	39.122.550.046

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	164.312.356.037	154.324.894.234
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.862.471.207	30.864.978.847
Chi phí không được khấu trừ thuế	319.222.313	633.641.925
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	7.623.929.274
	37.685.386.280	39.122.550.046

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2024	2023
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	126.626.969.757	115.202.344.188
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(12.662.696.976)	(11.520.234.419)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	113.964.272.781	103.682.109.769
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.452	2.231

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 và năm 2023 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức	47.796.546.000	40.627.064.100
Cổ đông lớn		
<i>The Furukawa Battery Co., Ltd</i>		
Phí bản quyền	2.303.078.130	2.682.428.609
Cổ tức	9.799.416.000	8.329.503.600
Các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	7.636.499.100	5.870.295.260
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	6.868.114.550	6.302.087.000
<i>Công ty Cổ Phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất</i>		
Mua hàng hóa	1.450.898.999	-
<i>Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa Chất</i>		
Mua hàng hóa	345.854.694	345.084.902
<i>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	333.169.200	326.935.800
<i>Công ty Cổ phần Bột Giặt Net</i>		
Mua hàng hóa	5.273.997	5.427.994
<i>Công ty Cổ phần Pin Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	-	459.847.080
<i>Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix</i>		
Mua hàng hóa	-	14.076.480

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Văn Năm	85.500.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	173.100.000	159.600.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	173.100.000	159.600.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	96.000.000	78.000.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	96.000.000	78.000.000
Lương, thưởng và phụ cấp		
Ông Tạ Duy Linh	744.950.549	705.032.920
Nhân sự quản lý chủ chốt		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng giám đốc	893.910.000	816.690.000
Các thành viên khác của Ban Giám đốc	1.249.500.000	1.062.420.000

39. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2024 VND	2023 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	290.000.000	275.000.000
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	140.690.000	135.000.000

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.




Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc